

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

Số: 4519/TCT-DNL
V/v vướng mắc về chính sách thuế.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2014

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 2487/2014/CV/ABIC-KTTC ngày 17 tháng 09 năm 2014 của Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (Công ty ABIC). Vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về chi phí hỗ trợ cho Đại lý viên

Tại Điểm h, Khoản 1, Điều 19 Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30/7/2012 hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài về chi quản lý đại lý bảo hiểm quy định:

“- Chi quản lý đại lý bảo hiểm bao gồm chi đào tạo ban đầu và thi cấp chứng chỉ đại lý, chi đào tạo nâng cao kiến thức cho đại lý, chi tuyển dụng đại lý, chi khen thưởng đại lý và chi hỗ trợ đại lý.

- Đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài, trong mọi trường hợp, chi khen thưởng đại lý và chi hỗ trợ đại lý không vượt quá 50% hoa hồng bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm đã khai thác trong năm tài chính.”

Tại Khoản 1 Điều 41, Mục 4, Thông tư 124/2012/TT-BTC ngày 30/07/2012 của BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm về Hoa hồng đại lý bảo hiểm quy định:

“1. Hoa hồng đại lý bảo hiểm là các khoản chi phí của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài trả trực tiếp cho đại lý bảo hiểm sau khi đại lý bảo hiểm mang lại dịch vụ cho doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài.”

Tại khoản 1 Điều 6, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN quy định các khoản được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế như sau:

“a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.”

Căn cứ các quy định trên, Công ty ABIC được hạch toán khoản chi hỗ trợ đại lý, đại lý viên vào chi phí xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong trường hợp Công ty ABIC có ký kết hợp đồng với đại lý viên, có bản nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện và đáp ứng điều kiện quy định về chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật Thuế TNDN. Tổng chi về khoản thưởng đại lý và chi hỗ trợ cho đại lý và đại lý viên thuộc đại lý không vượt quá 50% hoa hồng bảo hiểm cho đại lý theo quy định.

2. Về thuế suất đối với dịch vụ Bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu Tại Khoản 3, Điều 83 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008 quy định về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật như sau:

“3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành mà có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản được ban hành sau.”

Tại Khoản 1, khoản 2, Điều 7 Thông tư 09/2011/TT-BTC ngày 21/1/2011 hướng dẫn về thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm như sau:

“1. Thuế suất 0% áp dụng đối với dịch vụ bảo hiểm cung cấp cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan và cung cấp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài gồm dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ môi giới bảo hiểm, dịch vụ đại lý giám định, đại lý xét bồi thường, đại lý yêu cầu người thứ ba bồi hoàn, xử lý hàng bồi thường 100%...”

2. Thuế suất 10% áp dụng đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm không được quy định tại Điều 4; khoản 1 Điều 7 Thông tư này.”

Tại khoản 1, Điều 9, Mục 2, Chương II Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 quy định về thuế suất 0% bao gồm:

“1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật...”

Căn cứ Tiết b, Khoản 1, Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định các trường hợp áp dụng thuế suất GTGT 0% như sau:

“Trường hợp cung cấp dịch vụ mà hoạt động cung cấp vừa diễn ra tại Việt Nam, vừa diễn ra ở ngoài Việt Nam nhưng hợp đồng dịch vụ được ký kết giữa hai người nộp thuế tại Việt Nam hoặc có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì thuế suất 0% chỉ áp dụng đối với phần giá trị dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam, trừ trường hợp cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất 0% trên toàn bộ giá trị hợp đồng. Trường hợp, hợp đồng không xác định riêng phần giá trị dịch vụ thực hiện tại Việt Nam thì giá tính thuế được xác định theo tỷ lệ (%) chi phí phát sinh tại Việt Nam trên tổng chi phí.”

Căn cứ quy định trên, kể từ ngày 01/01/2014, dịch vụ bảo hiểm cho hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

Tổng cục Thuế trả lời để Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp biết và thực hiện./.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thuế TP. Hà Nội;
- Vụ CS, KK, PC (02);
- Website TCT;
- Lưu: VT, DNL (2b).

Cao Anh Tuấn